

Bản án số: 55/2024/KDTM-ST

Ngày: 23-8-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Bà Đàm Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:*

Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 08 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLST-KDTM ngày 08 tháng 03 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2024/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2024/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A

Trụ sở: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Thành D - chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn N - sinh năm 1959; địa chỉ: đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy uỷ quyền số 795/UQ.24 ngày 19/07/2024) (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH P (vắng mặt)

(tên gọi mới: Công ty TNHH Tập Đoàn S)

Trụ sở: đường E, Phường F, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - chức vụ: Giám đốc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/7/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 27/12/2022 Công ty Cổ phần A (gọi tắt Công ty A) và Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P) có ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thẻ thành viên Vinasun taxi số 023600HCM/VMC, loại hình dịch vụ taxi trả sau. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký 27/12/2022 cho đến khi một trong hai bên có yêu cầu chấm dứt hợp đồng.

Công ty A cung cấp thẻ dịch vụ đi taxi trả tiền vào cuối tháng theo yêu cầu của Công ty P, sau mỗi lần sử dụng dịch vụ taxi, người sử dụng đưa thẻ cho tài xế của Công ty A quét thẻ trên máy POS, số tiền thanh toán hiển thị trên biên lai và khách hàng giữ 01 biên lai, lái xe giữ 01 biên lai. Đến cuối tháng, bên Công ty A sẽ fax cho Công ty P bảng kê chi tiết chuyến đi và số tiền mà công ty đã sử dụng dịch vụ taxi trong tháng để đối chiếu và có nghĩa vụ thanh toán tiền cước taxi cho Công ty A, phương thức thanh toán được quy định cụ thể trong hợp đồng.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty A đã tuân thủ đầy đủ các quy định trong hợp đồng nhưng phía Công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể, theo bảng kê đối chiếu công nợ, Công ty P còn nợ tiền cước taxi tháng 02-03-04/2023 là 46.281.619 đồng, sau khi trừ tiền ký quỹ 5.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 41.281.619 đồng.

Do đó, Công ty Cổ phần A yêu cầu Công ty TNHH P phải trả một lần số tiền nợ cước taxi cho Công ty Cổ phần A tổng cộng số tiền là: 41.281.619 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi một ngàn sáu trăm mười chín đồng)

Bị đơn: Công ty TNHH P (tên gọi mới: Công ty TNHH Tập Đoàn S) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH P (tên gọi mới: Công ty TNHH Tập Đoàn S) phải thanh toán số tiền 41.281.619 đồng cho Công ty Cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ

án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, bị đơn có trụ sở tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn là Công ty TNHH P (tên gọi mới: Công ty TNHH Tập Đoàn S) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền dịch vụ:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Ngày 27/12/2022, Công ty Cổ phần A có ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thẻ thành viên Vinasun taxi số 023600HCM/VMC với Công ty TNHH P. Sau khi ký hợp đồng Công ty P đã ký quỹ là 5.000.000 đồng, Công ty A cung cấp cho Công ty P 03 mã thẻ khách hàng số 023600HCM001, 023600HCM002 và 023600HCM003. Theo quy trình khi Công ty P sử dụng dịch vụ taxi xong thì đưa thẻ cho lái xe quét trên máy POS, số tiền thanh toán hiển thị trên biên lai, khách hàng giữ 01 biên lai, lái xe giữ 01 biên lai. Số tiền cước phí hàng tháng được tính từ ngày 25 tháng trước đến 24 tháng sau. Công ty P phải thanh toán số tiền sử dụng taxi trong tháng trước ngày 24 của tháng kế tiếp. Như vậy, việc thỏa thuận của các bên trong hợp đồng là phù hợp với quy định Điều 74 Luật thương mại 2005 nên có hiệu lực và phát sinh trách nhiệm pháp lý ràng buộc các bên thực hiện.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty P đã sử dụng dịch vụ và còn nợ số tiền như sau:

- Từ ngày 25/01/2023 đến ngày 24/02/2023:

- + Mã thẻ khách hàng 023600HCM001 số tiền là 957.000 đồng;
- + Mã thẻ khách hàng 023600HCM002 số tiền là 4.237.000 đồng;
- + Mã thẻ khách hàng 023600HCM003 số tiền là 2.141.000 đồng;

Tổng số tiền của 03 thẻ trên là 7.335.000 đồng. Công ty A đã thực hiện giảm giá dịch vụ còn lại số tiền là 7.151.818 đồng + tiền thuế giá trị gia tăng là 715.182 đồng. Số tiền còn nợ là: 7.867.000 đồng (1).

- Từ ngày 25/02/2023 đến ngày 24/03/2023:

- + Mã thẻ khách hàng 023600HCM001 số tiền là 7.733.000 đồng;
- + Mã thẻ khách hàng 023600HCM002 số tiền là 8.512.000 đồng;

Tổng số tiền của 02 thẻ trên là 16.245.000 đồng. Công ty A đã thực hiện giảm giá dịch vụ còn lại số tiền là 14.664.959 đồng + tiền thuế giá trị gia tăng là 1.446.496 đồng. Số tiền còn nợ là: 16.131.455 đồng (2).

- Từ ngày 25/03/2023 đến ngày 24/04/2023:

+ Mã thẻ khách hàng 023600HCM001 số tiền là 2.127.000 đồng;

+ Mã thẻ khách hàng 023600HCM002 số tiền là 20.431.000 đồng;

Tổng số tiền của 02 thẻ trên là 22.558.000 đồng. Công ty A đã thực hiện giảm giá dịch vụ còn lại số tiền là 20.257.422 đồng + tiền thuế giá trị gia tăng là 2.025.742 đồng. Số tiền còn nợ là: 22.283.164 đồng (3).

Như vậy, tổng số tiền Công ty A yêu cầu Công ty P thanh toán là (1) + (2) + (3) = 46.281.619 đồng, trừ số tiền 5.000.000 đồng mà Công ty P đã ký quỹ, còn nợ lại 41.281.619 đồng.

Xét thấy: Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với bản kê đối chiếu công nợ ngày 14/06/2023; hóa đơn giá trị gia tăng số 14973 ngày 27/02/2023, hóa đơn giá trị gia tăng số 26353 ngày 28/03/2023, hóa đơn giá trị gia tăng số 33985 ngày 28/04/2023; các bản kê chi tiết taxi card và các biên lai thanh toán nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 3, Điều 4 của hợp đồng số 023600HCM/VMC ngày 27/12/2022 và khoản 1 Điều 85 của Luật thương mại 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Về lãi suất:

Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi, chỉ yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định của pháp luật. Xét, yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo như thoả thuận trong Hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 74, Điều 85 của Luật thương mại 2005;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH P (tên gọi mới: Công ty TNHH Tập Đoàn S) phải thanh toán cho Công ty Cổ phần A tổng số tiền còn nợ là: 41.281.619 đồng (*Bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi một ngàn sáu trăm mười chín đồng*) theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ thẻ thành viên Vinasun taxi số 023600HCM/VMC ngày 27/12/2022 đối với mã thẻ khách hàng số 023600HCM001, 023600HCM002, 023600HCM003.

Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH P (tên gọi mới: Công ty TNHH Tập Đoàn S) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) và nộp tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Công ty Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002200 ngày 06/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty Cổ phần A có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty TNHH P (tên gọi mới: Công ty TNHH Tập Đoàn S) vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân